

trữ gỗ xẻ tại các vùng gỗ tập trung hoặc tiêu thụ nhiều gỗ có điều kiện thuận lợi về vận chuyển, bốc dỡ, điện, nước v.v... Quy định rõ nhiệm vụ và sắp xếp lại hoặc trang bị thêm các lâm trường có khai thác gỗ những cơ sở cưa xẻ nhỏ nhằm tận dụng gỗ trong khai thác và tu bổ rừng để cung cấp cho nhu cầu tại chỗ và vùng lân cận, xẻ ván sản xuất khâu.

Các ngành ở trung ương và các địa phương từ nay không được tự tiện phát triển các cơ sở cưa xẻ gỗ. Các cơ quan cung cấp vật tư không được cung cấp vật tư cho các xí nghiệp cưa xẻ ngoài phạm vi chức năng Nhà nước quy định.

4. Phải tích cực thống nhất việc cưa xẻ gỗ và từng bước làm những việc nói trên đề từ năm 1975 trở đi có thể tiến hành phân phối gỗ xẻ. Việc xây dựng kế hoạch, yêu cầu gỗ 1975 các ngành và các địa phương phải làm dự trữ cụ thể nhu cầu về gỗ xẻ theo tiêu chuẩn Nhà nước đã ban hành (quyết định số 358-KHKT/QĐ, ngày 23 tháng 12 năm 1971). Tổng cục Lâm nghiệp chỉ cung cấp gỗ tròn cho những nhu cầu nhất thiết phải dùng gỗ tròn ngay từ bước đầu của dây chuyền công nghệ.

Tổng cục Lâm nghiệp phải xây dựng các kho đề bảo quản và dự trữ gỗ xẻ đồng thời cải tiến thủ tục cấp phát đề bảo đảm phân phối gỗ xẻ kịp thời đúng đối tượng, đúng số lượng và chất lượng và lập dự trữ về thiết bị, vật tư, phụ tùng, thuốc ngâm tẩm, tổ chức mạng lưới sửa chữa các loại máy, móc cưa xẻ v.v... cho toàn ngành.

Tổng cục Lâm nghiệp bàn bạc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xác định lại quy mô các xí nghiệp và nhiệm vụ sản xuất của các xí nghiệp cưa xẻ gỗ và các cơ sở cưa xẻ chuyên dùng cho các ngành trung ương và địa phương để xây dựng quy hoạch cụ thể về mạng lưới các cơ sở cưa xẻ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Tiết kiệm gỗ và nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, chế biến gỗ là yêu cầu cấp bách. Các Bộ, các ngành ở trung ương và Ủy ban hành chính các tỉnh phải có biện pháp cụ thể, thiết thực tiến hành ngay những công việc cần thiết đề nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị này và quán triệt chủ trương quản lý thống nhất các cơ sở cưa xẻ gỗ theo quyết định số 17-CP, ngày 3-2-1972.

Cuối năm 1974, Tổng cục Lâm nghiệp phải báo cáo kết quả thực hiện chỉ thị này lên Thủ tướng Chính phủ.

Hà-nội, ngày 9 tháng 5 năm 1974

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

ĐỖ MƯỜI

CÁC BỘ

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH số 154-BYT/QĐ ngày 19-4-1974 bổ sung danh mục thuốc, hóa chất được dùng, hóa chất sát trùng, diệt côn trùng được liệt thống nhất trong toàn ngành y tế hai năm 1974 — 1975.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ nghị định số 153-CP ngày 5-10-1961 và nghị định số 03-CP ngày 4-1-1971 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế ;

Căn cứ thông tư số 19-BYT-TT ngày 21-8-1973 của Bộ Y tế về việc xây dựng, thi hành và quản lý Danh mục thuốc loãn ngành ;

Căn cứ quyết định số 239-BYT-QĐ ngày 25-6-1973 của Bộ Y tế quy định Danh mục thuốc loãn ngành năm 1974 — 1975 ;

Căn cứ phương hướng dùng thuốc trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch và yêu cầu phát triển công tác y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Quy định Phụ lục số 1 bổ sung Danh mục thuốc, hóa chất được dùng, hóa chất sát trùng, diệt côn trùng, được liệt thống nhất trong toàn ngành y tế hai năm 1974 — 1975 gồm 36 khoản, trong đó gồm có :

Danh mục thuốc thành phẩm	19 khoản
Danh mục hóa chất được dùng	10 khoản
Danh mục hóa chất sát trùng	
diệt côn trùng	1 khoản
Danh mục được liệt	6 khoản

Điều 2. — Các Vụ, Cục, Ban, Phòng trực thuộc Bộ, Tổng công ty dược, các Sở, Ty y tế, các cơ sở trực thuộc Bộ có trách nhiệm chấp hành Phụ lục số 1 bổ sung danh mục này trong việc sản xuất, thu mua, nhập nội, phân phối, sử dụng và giảng dạy về thuốc.

Điều 3. — Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ kế hoạch, Vụ trưởng Vụ dược chính, Vụ trưởng Vụ quản lý dược, Giám đốc Tổng công ty dược, Cục trưởng Cục phòng bệnh chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ vệ sinh, phòng dịch, Cục trưởng Cục đào tạo có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Vụ dược chính có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện danh mục này...

Hà-nội, ngày 19 tháng 4 năm 1974

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

Thủ trưởng

Dược sĩ VŨ CÔNG THUYẾT

PHỤ LỤC SỐ 1

**Bổ sung Danh mục thuốc toàn ngành
năm 1974 — 1975**

I. DANH MỤC THUỐC THÀNH PHẨM**A. Danh mục thuốc thành phẩm thường dùng.**— *Bồi dưỡng:*

- | | | |
|------------------------|-------|----|
| 1. Cao kim anh mật ong | 100g | lọ |
| 2. Hépaphot B | 100ml | — |

— *Chế phẩm canxi:*

- | | | |
|----------------|------|-----|
| 3. Cốm canxi D | 100g | gói |
|----------------|------|-----|

— *Chữa ho, hô hấp:*

- | | | |
|------------|-------|------|
| 4. Nacotin | 0,02g | viên |
|------------|-------|------|

— *Hạ huyết áp:*

- | | | |
|--------------------|--------|------|
| 5. Viên cao ba gác | 0,002g | viên |
|--------------------|--------|------|

— *Hạ nhiệt, giải cảm:*

- | | | |
|---------------------|--|------|
| 6. Viên cảm bạch hà | | viên |
|---------------------|--|------|

— *Tim mạch:*

- | | | |
|-----------------|-------|------|
| 7. Viên hoa hòe | 0,07g | viên |
|-----------------|-------|------|

— *Vitamin:*

- | | | |
|---------------------------|-------|------|
| 8. Vitamin B ₁ | 0,05g | viên |
|---------------------------|-------|------|

- | | | |
|--------------|-------|------|
| 9. Vitamin C | 0,05g | viên |
|--------------|-------|------|

— *Xoa bóp:*

- | | | |
|----------------------------|------------|-----|
| 10. Cao xoa bóp Trường sơn | 10g và 40g | hộp |
| 11. Rượu chổi Trường sơn | 100ml | lọ |
| 12. Tinh dầu trầm | 30ml | lọ |

B. Danh mục thuốc thành phẩm để nghiên cứu.— *Chữa ỉa chảy, bệnh đường ruột:*

- | | | |
|---------------|-------|------|
| 13. Furaxilin | 0,10g | viên |
|---------------|-------|------|

- | | | |
|-----------|-----------------|------|
| 14. Panma | 0,005g và 0,02g | viên |
|-----------|-----------------|------|

- | | | |
|---------------------------|-------|------|
| 15. Viên cô sữa (Codanit) | 0,30g | viên |
|---------------------------|-------|------|

— *Giảm đau, an thần:*

- | | | |
|------------------------------------|-------|------|
| 16. Tepan (DL tétra-hydropanmatin) | 0,05g | viên |
|------------------------------------|-------|------|

— *Hạ huyết áp:*

- | | | |
|-----------|--------|------|
| 17. Vinca | 0,003g | viên |
|-----------|--------|------|

— *Hạ nhiệt, giải cảm:*

- | | | |
|-------------------|-----|-----|
| 18. Bột khung chì | 16g | gói |
|-------------------|-----|-----|

— *Kháng histamin, dị ứng:*

- | | | |
|----------------------------|-------|------|
| 19. Viên núc nác (Nunaxin) | 0,25g | viên |
|----------------------------|-------|------|

II. DANH MỤC HÓA CHẤT DƯỢC DỤNG

- | | |
|---------------------|------------------------|
| 20. Asen trioxyl | 25. Dicumarin |
| 21. Axit xitric | 26. Etocxit |
| 22. Becberin clorua | 27. Furaxilin |
| 23. Cồn benzylic | 28. Tétrahydropanmatin |
| 24. Déhydroemetin | 29. Vitamin F |

III. DANH MỤC HÓA CHẤT SÁT TRÙNG, DIỆT CÔN TRÙNG

- | |
|--------------------|
| 30. Fékama EC 30/9 |
|--------------------|

IV. DANH MỤC DƯỢC LIỆU

- | | |
|-----------------|----------------------|
| 31. Cỏ sữa | 34. Hạnh nhân |
| 32. Củ bình vôi | 35. Muồng trâu |
| 33. Diếp cá | 36. Nam sài hồ (Lúc) |

**ỦY BAN KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC**

THÔNG TƯ số 292-KHKT/ĐL ngày 18-3-1974 hướng dẫn thi hành quyết định số 1033-QĐ ngày 31-12-1972 của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước ban hành bảng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của kiểm định viên và công nhân sửa chữa hiệu chỉnh dụng cụ đo ngành đo lường.⁽¹⁾

Ngày 31 tháng 12 năm 1973 Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã ra quyết định số 1033-QĐ ban hành Bảng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của kiểm định viên và công nhân sửa chữa, hiệu chỉnh dụng cụ đo ngành đo lường. Nay Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước hướng dẫn, giải thích thêm những điều chủ yếu đề các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện được tốt.

**I. Ý NGHĨA VÀ TÁC DỤNG
CỦA BẢNG TCCBKT**

1. Sau một thời gian xây dựng và hoạt động, ngành đo lường đã đào tạo được một đội ngũ kiểm định viên và công nhân sửa chữa hiệu chỉnh dụng cụ đo.

Nay Chính phủ cho ban hành bảng TCCBKT của kiểm định viên và công nhân sửa chữa hiệu chỉnh dụng cụ đo chứng tỏ sự quan tâm của Chính phủ đối với ngành đo lường và những người làm công tác kiểm định, sửa chữa và hiệu chỉnh dụng cụ đo, đồng thời cũng xác định vị trí

(1) Quyết định số 1033-QĐ ngày 31-12-1973 in trong Công báo 1973 số 21, trang 352 — Bảng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật cụ thể do Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã in và phát riêng — trong thông tư này viết tắt là TCCBKT.